

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ ĐTNĐ
VÀ XÂY DỰNG GT THANH HÓA**

Số: 20 /ĐTNĐ-KT

V/v báo cáo các nội dung liên quan đến
tuyến sông Bưởi, phạm vi từ ngã ba Vĩnh
Ninh đến Kim Tân.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Ban Quản lý bảo trì CTGT và điều hành hoạt động vận tải HHCC.

Thực hiện Công văn số 562/SGTVT-QLGT ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện kế hoạch điều chỉnh loại đường thủy nội địa theo qui định tại Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ. Công ty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa rà soát, báo cáo các nội dung liên quan về tuyến ĐTNĐ sông Bưởi phạm vi từ ngã ba Vĩnh Ninh đến Kim Tân, cụ thể như sau:

1. Hiện trạng tuyến luồng:

- Tuyến sông Bưởi: Từ ngã Vĩnh Ninh đến Kim Tân đi qua địa bàn 2 huyện và 11 xã, thị trấn cụ thể:

+ Huyện Vĩnh Lộc: gồm các xã Ninh Khang, TT Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Long, xã Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Hưng.

+ Huyện Thạch Thành: gồm các xã Thạch Long, xã Thạch Đồng, xã Thạch Định, xã Thành Hưng, TT Kim Tân.

- Chiều dài tuyến: 25,5 Km

- Cấp kỹ thuật: cấp IV

- Chiều sâu chạy tàu: 2,3 m -:- 2,8 m

- Chiều rộng luồng: 30 m -:- 40 m

- Bán kính cong toàn tuyến: 150 m -:- 350 m

- Hành lang bảo vệ luồng mỗi bên: 15 m

2. Tài sản kết cấu hạ tầng:

- Nhà trạm 2 tầng: 01 cái (tại phố Kiều, xã Yên Trường, huyện Yên Định – Km 58+00, bờ phải sông Mã.

- Tài sản hạ tầng trên tuyến: Tổng số 62 báo hiệu; bao gồm: 49 bộ BH trên bờ, 12 bộ BH trên cầu, 01 phao dưới nước + 01 đèn NLMT (Có bảng chi tiết kèm theo)

3. Bến thủy nội địa trên tuyến: Tổng số 02 bến:

- Bến tập kết VLXD của C.ty TNHH Minh Chung: Km 3+900, bờ trái thuộc địa phận xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc.

- Bến tập kết VLXD của C.ty TNHH Tuấn Hải: Km 7+100, bờ trái thuộc địa phận xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc.

Trên đây là báo cáo của Công ty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa về các nội dung liên quan về tuyến ĐTNĐ sông Bưởi phạm vi từ ngã ba Vĩnh Ninh đến Kim Tân./.

Nơi nhận:

- Như K/g (báo cáo);
- Sở GTVT Thanh Hóa (báo cáo);
- Lưu VP,KT.



Hoàng Văn Bảy

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BẢO HIỆU NĂM 2022

TUYẾN SÔNG BƯỚI: CHIỀU DÀI 25,5 KM

PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CHIỀU DÀI QUẢN LÝ: TÀU CÔNG SUẤT 33 CV

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG		TĂNG (+) GIẢM (-)	GHI CHÚ
			NĂM 2022	NĂM 2021		
I	BẢO HIỆU TRÊN BỜ		49	49	0	
1	Dàn thép BH 12m phân luồng N3	cột	1	1	0	
2	Biển VCN trái + phải	biển	3	3	0	
3	Biển thông báo 1 mặt	biển	7	7	0	
4	Biển thông báo 2 mặt	biển	3	3	0	
5	Biển BH địa danh	biển	1	1	0	
6	Biển VCN trái + phải (1,5x1,5m)	biển	21	21	0	
7	Biển thông báo 1 mặt (1,5x1,5m)	biển	12	12	0	
8	Biển thông báo 2 mặt (1,5x1,5m)	biển	1	1	0	
II	BẢO HIỆU TRÊN CẦU		12	12	0	
6	Biển khoang thông thuyền (1,5x1,5m)	biển	4	4	0	
7	Biển C113, C114 (KT: 0,5x0,5)	biển	8	8	0	
III	CỘT BẢO HIỆU		50	50	0	
1	Cột dàn thép 12m		1	1	0	
2	Cột BTCT 6,5 m	cột	3	3	0	
3	Cột sắt f160, L= 6,5 m	cột	12	12	0	
4	Cột sắt f160, L= 7,5 m	cột	34	34	0	
IV	BẢO HIỆU DƯỚI NƯỚC		1	1	0	
1	Phao trụ f1.0 m	bộ	0	0	0	
1	Phao trụ f1.2 m	bộ	1	1	0	
V	ĐÈN BẢO HIỆU LED		1	1	0	
1	Đèn năng lượng mặt trời	cái	1	1	0	

VỊ TRÍ LẮP ĐẶT BÁO HIỆU

TUYẾN SÔNG BƯỞI: TỪ NGÃ BA VĨNH NINH ĐẾN KIM TÂN - CHIỀU DÀI 25.5KM (KÝ HIỆU: QG106)

TT	SỐ BH	LÝ TRÌNH	LOẠI BÁO HIỆU	BIÊN		CỘT				NĂM LẮP ĐẶT	ĐỊA DANH	GHI CHÚ
				KÍCH THƯỚC	VẬT LIỆU	SẮT			BTCT			
						SL	F	L (M)				
1	B001	0+20	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2020	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ
2	P002	0+100	Phao GHL bờ phải	f 1.2m	Sắt					2020	X.Ninh Khang - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ
3	B003	0+220	BH. Luồng gần bờ trái	1.2 x1.2m	Sắt	1	160	6,5		2010	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	
4	B005	0+410	BH. Chuyển luồng trái	1.2 x1.2m	Sắt	1	160	6,5		2010	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	
5	B004	0+550	BH. Chuyển luồng phải	1.2 x1.2m	Sắt	1	160	6,5		2013	X.Ninh Khang - H.Vĩnh Lộc	
6	B006	0+700	Dàn thép BH 12 m N3	1.5 x1.5m	Sắt	1		12		2021	X.Ninh Khang - H.Vĩnh Lộc	Thay thế
7	B008	2+200	BH. CNV Phải	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Ninh Khang - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ T10
8	B010	2+300	BH. CNV Phải	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Ninh Khang - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ T10
9	B007	3+500	BH. CNV Trái	Δ 1.2m	Sắt	1	160	6,5		2011	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	
10	B009	4+030	BH. Hạn chế chiều rộng	1.5 x1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
11	B011	4+060	BH. Hạn chế chiều cao	1.5 x1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
12	C012	4+150	BH. C.113 & C.114	0,5x0,5m	Sắt					2017	TT.Vĩnh Lộc - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
13	C014	4+150	BH. C.113 & C.114	0,5x0,5m	Sắt					2017	TT.Vĩnh Lộc - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
14	CT016	4+150	BH. Khoang thông thuyền	1.5 x1.5m	Sắt					2017	TT.Vĩnh Lộc - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
15	B013	4+150	BH. C.113 & C.114	0,5x0,5m	Sắt					2017	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
16	B015	4+150	BH. C.113 & C.114	0,5x0,5m	Sắt					2017	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
17	C018	4+160	BH. C.113 & C.114	0,5x0,5m	Sắt					2017	TT.Vĩnh Lộc - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
18	C020	4+160	BH. C.113 & C.114	0,5x0,5m	Sắt					2017	TT.Vĩnh Lộc - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
19	CT022	4+160	BH. Khoang thông thuyền	1.5 x1.5m	Sắt					2017	TT.Vĩnh Lộc - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
20	C017	4+160	BH. C.113 & C.114	0,5x0,5m	Sắt					2017	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
21	C019	4+160	BH. C.113 & C.114	0,5x0,5m	Sắt					2017	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
22	B021	4+880	BH. Hạn chế chiều cao	1.5 x1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
23	B023	4+900	BH. Hạn chế chiều rộng	1.5 x1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Hòa - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
24	B024	5+500	BH. CNV Phải	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	TT.Vĩnh Lộc - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ T10
25	B025	6+840	BH. Hạn chế chiều rộng	1.5 x1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Phúc - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ T10
26	B027	6+850	BH. Hạn chế chiều cao	1.5 x1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Phúc - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ T10
27	B026	7+100	BH. Hạn chế chiều cao	1.2 x1.2m	Sắt	1	160	6,5		2011	X.Vĩnh Phúc - H.Vĩnh Lộc	
28	B028	7+110	BH. Hạn chế chiều rộng	1.2 x1.2m	Sắt	1	160	6,5		2011	TT.Vĩnh Lộc - H.Vĩnh Lộc	
29	B030	7+240	BH. CNV Phải	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2020	TT.Vĩnh Lộc - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ
30	B032	7+640	BH. Chú ý Nguy hiểm	1.5 x1.5m	Sắt	1	160	7,5		2020	X.Vĩnh Phúc - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ
31	B029	8+050	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Phúc - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ T10

332	B031	8+450	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Phúc - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
333	B034	8+500	BH. CNV Phải	Δ 1.2m	Sắt				1	2011	X.Vĩnh Phúc - H.Vĩnh Lộc	
334	B036	9+000	BH. Chú ý Nguy hiểm	1.5 x 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Phúc - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
335	B038	9+300	BH. CNV Phải	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh-Long - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ T10
336	B040	9+400	BH. Chú ý Nguy hiểm	1.5 x 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Long - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
337	B033	10+200	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Phúc - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ T10
338	B042	10+850	BH. Chú ý Nguy hiểm	1.2 x 1.2m	Sắt				1	2011	X.Vĩnh Long - H.Vĩnh Lộc	
339	B044	10+930	BH. CNV Phải	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Long - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
340	B046	11+100	BH. CNV Phải	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Long - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
341	B048	11+250	BH. Chú ý Nguy hiểm	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2020	X.Vĩnh Long - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ
342	B035	12+300	BH. Luồng gần bờ trái	1.5 x 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Hưng - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
343	B037	12+550	BH. Chú ý Nguy hiểm	1.2 x 1.2m	Sắt	1	160	6,5		2013	X.Vĩnh Hưng - H.Vĩnh Lộc	
344	B039	12+750	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Hưng - H.Vĩnh Lộc	Khắc phục lũ T10
345	B041	13+100	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Hưng - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
346	B043	13+210	BH. Chú ý Nguy hiểm	1.5 x 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Vĩnh Hưng - H.Vĩnh Lộc	Thay thế 2017
347	B045	16+100	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Thành Hưng - H.Thạch Thành	Khắc phục lũ T10
348	B047	16+540	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Thành Hưng - H.Thạch Thành	Khắc phục lũ T10
349	B050	17+180	BH. Hạn chế chiều rộng	1.5 x 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2020	X.Thạch Long - H.Thạch Thành	Khắc phục lũ
350	B052	17+185	BH. Hạn chế chiều cao	1.2 x 1.2m	Sắt	1	160	6,5		2015	X.Thạch Long - H.Thạch Thành	
351	CT054	17+290	BH. Khoang thông thuyền	1.5 x 1.5m	Sắt					2017	X.Thạch Long - H.Thạch Thành	Thay thế 2017
352	CT056	17+310	BH. Khoang thông thuyền	1.5 x 1.5m	Sắt					2017	X.Thạch Long - H.Thạch Thành	Thay thế 2017
353	B058	17+400	BH. Hạn chế chiều cao	1.2 x 1.2m	Sắt	1	160	6,5		2010	X.Thạch Long - H.Thạch Thành	
354	B060	17+405	BH. Hạn chế chiều rộng	1.2 x 1.2m	Sắt	1	160	6,5		2011	X.Thạch Long - H.Thạch Thành	Khắc phục lũ T10
355	B062	17+920	BH. CNV Phải	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Thạch Long - H.Thạch Thành	Thay thế 2017
356	B049	20+700	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Thạch Hưng - H.Thạch Thành	Thay thế 2017
357	B051	21+000	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	X.Thạch Hưng - H.Thạch Thành	Thay thế 2017
358	B064	24+600	BH. CNV Phải	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2020	X.Thạch Đ?nh - H.Thạch Thành	Khắc phục lũ
359	B053	25+100	BH. Địa danh	1.4x2m	Sắt	2	160	6,5		2013	TT.Kim Tân - H.Thạch Thành	
360	B055	25+200	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2017	TT.Kim Tân - H.Thạch Thành	Thay thế 2017
361	B057	25+300	BH. CNV Trái	Δ 1.5m	Sắt	1	160	7,5		2020	TT.Kim Tân - H.Thạch Thành	Khắc phục lũ
362	B059	25+500	BH. CNV Trái	Δ 1.2m	Sắt				1	2011	TT.Kim Tân - H.Thạch Thành	
Tổng cộng				62		47			3			

Thanh hoá ngày 15 tháng 12 năm 2004

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình :Nâng cấp Nhà **Trạm Quản lý đường sông Kiểu Thanh Hoá**

Địa điểm xây dựng : Trạm QLĐS Kiểu xã Yên Trường Yên Định Thanh hoá

Chủ đầu tư : Ban quản lý dự án đường sông

Đơn vị thiết kế : TT nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ mới

STT	Các tổ chức tư vấn thực hiện thiết kế	Số ngày tháng của hợp đồng thực hiện	Công việc thực hiện
1	TT nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ mới	số : 206 /HĐKT ngày 5 / 4 / 2004	Khảo sát thiết kế

- Cơ quan thẩm định : Cục Đường sông Việt Nam

- Cơ quan phê duyệt : Cục Đường sông Việt Nam

Quyết định phê duyệt số : 1176/QĐ - CDSVN ngày 10/9/2004 của Cục đường sông Việt Nam

STT	Doanh nghiệp xây dựng	Số ngày tháng của hợp đồng thực hiện	Công việc thực hiện
1	Công ty quản lý đường sông Thanh Hoá	số : 213 /HĐKT ngày 22/9/2004	Thi công xây dựng nâng cấp nhà Trạm QLĐS Kiểu

Thời gian tiến hành nghiệm thu :

Bắt đầu : Ngày 15 tháng 12 năm 2004

Kết thúc : Ngày 15 tháng 12 năm 2004

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU BAO GỒM :

1-Đại diện chủ đầu tư : BAN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG

1.Ông : Phạm Ngọc Dỗi Chức vụ : Phó giám đốc

2- Đại diện nhà thầu xây lắp : CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG THANH HOÁ

1- Ông: Hoàng Văn Huy Chức vụ : P. Giám đốc

2 - Ông : Mai Văn Thắng Chức vụ : Kỹ thuật

3. Đại diện tổ chức Tư vấn giám sát thi công :

1- Ông : Lê Minh Hoá Chức vụ : Tư vấn giám sát

4 -Đại diện chủ đầu tư :TT NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CHUYỂN GIAO CN MỚI

1-Ông: Trịnh Ngọc Bích Chức vụ : Giám đốc

2-Ông : Trịnh Tuấn Anh Chức vụ : Thiết kế

5- Đại diện đơn vị được giao quản lý sử dụng : CÔNG TY Q.L.Đ.S THANH HOÁ

1- Ông: Trần Ngọc Nguyên Chức vụ : . Giám đốc

c- Khối lượng thực hiện :

Hạng mục công trình	Công tác xây dựng và lắp đặt thiết bị	Đơn vị	Khối lượng	
			Theo TK đã được phê duyệt	Đã thực hiện
PHÁ DỠ NHÀ CŨ ĐỂ LẤY MẶT BẰNG THI CÔNG	Tháo dỡ mái ngói đòn tay , rui mè	m ³	192,514	192,514
	Phá dỡ cột bê tông	m ³	6,358	6,358
	Phá dỡ tường gạch	m ³	17,523	17,523
	Tháo dỡ ô văng	m ³	0,797	0,797
	Tháo dỡ cửa đi , cửa sổ	m ²	28,380	28,380
	Tháo dỡ móng đá	m ³	67,368	67,368
	Tháo dỡ móng bê tông	m ³	2,7	2,7
	Tháo dỡ vì kèo gỗ	vì	7,0	7,0
NHÀ LÀM VIỆC	Đào móng đất C3	m ³	60,109	60,109
	Cát lót móng đá	m ³	2,345	2,345
	Bê tông gạch vỡ lót móng M 50#	m ³	7,329	7,329
	Cốt thép móng , cổ móng	kg	826,608	826,608
	Ván khuôn móng	m ²	88,8	88,8
	Ván khuôn gỗ cột	m ²	15,4	15,4
	Bê tông móng cột M200 đá 1x2	m ³	8,114	8,114
	Bê tông cổ móng vữa M200 đá 1 x2	m ³	1,50	1,50
	Xây móng đá học chiều dày <= 60 cm vữa XM mác 50#	m ³	27,99	27,99
	Xây gạch chỉ 6,5x10,5x 22 VXM mác 50 #	m ³	2,923	2,923
	Đắp cát đất nền nhà tưới nước đầm kỹ	m ³	22,058	22,058
	Bê tông lót nền nhà vữa TH M 50#	m ³	4,589	4,589
	Lấp đất hố móng	m ³	20,03	20,03
	Cốt thép cột	kg	872,33	872,33
	Ván khuôn cột (0,081+ 0,947)	100m ²	1,028	1,028
	Bê tông cột VXM	m ³	2,434	2,434
	Cốt thép lanh tô ô văng	kg	88,3	88,3
	Ván khuôn ô văng , lanh tô tầng 1	m ²	10,2	10,2
	Bê tông lanh tô ô văng T1 mác 200 đá 1 x2	m ³	0,65	0,65
	Xây tường gạch chỉ	m ³	25,340	25,340
	Cốt thép cầu thang	kg	284,06	284,06
	Ván khuôn cầu thang tầng I ; 1,375 + 1,225	100m ²	1,6	1,6
	Bê tông cầu thang tầng 1. M 200#	m ³	2,324	2,324
	Nẹp khung học	m	130,1	130,1
	Cửa sổ 1 cánh nhóm 3	m ²	23,284	23,284
	Cửa sổ kính màu hai cánh N3 chò chỉ	m ²	15,692	15,692
	Cửa panô 1 cánh gỗ chò chỉ	m ²	10,560	10,560
	Cửa panô 1 cánh không có khuôn gỗ	m ²	3,080	3,080

**NHÀ LÀM
VIỆC**

Khuôn gỗ chò chỉ	md	74,15	74,15
Gia công cốt thép dầm , sàn T1	kg	1.305,82	1.305,82
Ván khuôn dầm sàn T1	m ²	70,27	70,27
Đổ bê tông dầm , sàn T1 đá 1 x2	m ³	11,05	11,05
Bê tông cột tầng 2 M200	m ³	2,47	2,47
Khuôn cửa gỗ chò chỉ T2 .	md	93,55	93,55
Xây gạch chỉ T2 .	m ³	26,287	26,287
Bê tông lanh tô ô văng M200 đá 1 x2	m ³	1,18	1,18
Ván khuôn lanh tô + tấm đan	m ²	13,6	13,6
Thép lanh tô + tấm đan	kg	28,58	28,58
Bê tông tấm đan M200 đá 1x2	m ³	0,594	0,594
Ván khuôn sàn tầng 2	m ²	102,63	102,63
Cốt thép dầm sàn tầng 2	kg	1.515,9	1.515,9
Bê tông mái tầng 2	m ³	16,8	16,8
Đào đất cấp 3	m ³	23,715	23,715
Bê tông gạch vỡ lót móng M 50	m ³	1,222	1,222
Xây tường dây 22 cm M 50	m ³	4,636	4,636
Lát gạch chỉ	m ²	3,635	3,635
Trát vữa Th 50	m ²	25	25
ống nhựa Φ 100	m	1	1
Cút Φ 100	cái	1	1
ống xi măng Φ 200	m	1	1
Bể tự hoại			
- Đổ gạch vỡ	m ³	0,30	0,30
- Than hoạt tính	m ³	0,15	0,15
- Đổ sạn 4x6, 1x2	m ³	0,70	0,70
- Đổ cát thô + cát nền hồ thấm	m ³	0,7	0,7
- Lắp tấm đan	cái	14	14
- Láng mặt tấm đan dày 2 cm VXM mác 75	m ²	7,1	7,1
Ngâm nước xi chống thấm	m ²	106,9	106,9
Láng sê nô	m ²	40,6	40,6
Xây tường gạch chỉ	m ³	0,75	0,75
Xây gạch ống 10 x 10 x 20	m ³	2.011	2.011
Xây tường bằng gạch 6 lỗ 10 x 15 x 22	m ³	4,970	4,970
Trát áo	m ²	1.436,90	1.436,90
ốp lát	m ²	146,19	146,19
SX lắp dựng cấu kiện gỗ , xà gỗ mái	m ³	0,069	0,069
ốp trần gỗ dán Đài Loan	m ²	5,274	5,274
Xây bậc gạch	m ³	0,466	0,466
Quét vôi ve , quét nước xi	m ²	825,2	825,2
Láng bậc tam cấp dày 2 cm	m ²	19	19
Láng Grani tô	m ²	40,380	40,380

NHÀ LÀM VIỆC	SX lắp dựng lan can cầu thang, thép vuông, tay vịn	m ²	9,2	9,2
	Vách kính	m ²	10,2	10,2
	Sản xuất lắp dựng hoa cửa sắt	m ²	28,294	28,294
	Sơn sắt thép 3 nước	m ²	73,162	73,162
	Đánh véc ni sơn mài vào cửa	m ²	117,795	117,795
	Lắp dựng cửa vào khuôn học	m ²	52,62	52,62
PHẦN MÁI TÔN VÀ HỆ THỐNG CHỐNG SÉT	Sản xuất lắp dựng vì kèo	kg	219	219
	Xà gỗ thép hộp	kg	430	430
	Mái tôn DANITOL	m ²	105,3	105,3
	Lắp máng	m	7,4	7,4
	Xà gỗ thép L 30x 30	kg	81	81
	ống nhựa D 90	m	45	45
	Cút nhựa	cái	18	18
	Rọ chắn rác	cái	6	6
	ống nhựa D 42 L = 0,8 m	cái	29	29
	Tôn dày lỗ mái	cái	01	01
	Kim thu sét, chiều dài 1 m	cái	03	03
	Gia công đóng cọc	cọc	6	6
	Dây tiếp đất Φ 10	m	75	75
	Dây tiếp đất dưới mương Φ 16	m	42	42
	ống nhựa Φ 21 Tiên Phong	m	22	22
	Đào mương đặt dầm	m ³	9,450	9,450
	Đắp đất	m ³	9,450	9,450
PHẦN ĐIỆN NƯỚC	ống kẽm d = 20	m	24	24
	ống kẽm d = 15	m	4	4
	Tê thép	cái	6	6
	Cút thép Φ 20 – 15	cái	12	12
	Van khoá TQ	cái	2	2
	Van xả	cái	1	1
	Van phao	cái	1	1
	ống nhựa Tiên Phong Φ 140 - Φ 34	m	30	30
	Cút nhựa	cái	24	24
	Tê nhựa các loại Φ 110, Φ 48	cái	10	10
	Phễu thu	cái	2	2
	Bảng tôn	cái	2	2
	Ổ cắm + công tắc	cái	34	34
	Cáp bảo hộ	m	197	197
	ống dẫn vỏ bọc cao su	m	51	51
	Dây dẫn các loại 2 x 6 mm ² , 4mm ² ; 2,5mm ² , 1,5mm ² (Hàn quốc)	m	615,2	615,2

PHẦN ĐIỆN NƯỚC	Đèn ống Điện quang 22 w	bộ	2	2
	Đèn ống 40w	bộ	9	9
	Đèn chao chụp	bộ	7	7
	Quạt treo tường điện cơ	cái	12	12
	Pô tơ dè 2 xứ 10 A	cái	1	1
	áctomat 50A LG	cái	1	1
PHẦN ĐIỆN NƯỚC	Automat 30A	cái	1	1
	Lắp đặt chậu tiểu nam Thanh Trì	bộ	2	2
	Lắp đặt xi bệt Vigracera	bộ	2	2
	Chậu rửa 1 vòi Vigracera	bộ	2	2
	Bồn chứa Inox dung tích 1,5m ³	bồn	1	1
	Máy bơm Hàn Quốc GP250AE	cái	1	1
<u>BỂ NƯỚC</u> <u>SẠCH</u>	Ván khuôn tấm đan	m ²	0,20	0,20
	Cốt thép D< 10 mm	kg	34	34
	Bê tông M 200# đá 1 x 2	m ³	0,288	0,288
	Đào đất cấp III	m ³	11,532	11,532
	Đổ bê tông SN mác 50	m ³	1,270	1,270
	Ván khuôn	m ²	2,4	2,4
	Cốt thép D<= 10mm	kg	8	8
	Bê tông M 200	m ³	0,212	0,212
	Láng trong bể	m ²	15,3	15,3
	Đắp đất	m ³	3,844	3,844
	Trát tường ngoài	m ²	3,6	3,6
	Lắp đặt tấm đan	cái	9	9
<u>TƯỜNG</u> <u>RÀO</u>	Xây gạch chỉ tường , trụ cổng	m ³	21,40	21,40
	Xây bậc thủy chí	m ³	0,972	0,972
	Ván khuôn hàng rào	m	26,3	26,3
	Cốt thép D<= 10mm	kg	127	127
	Bê tông giằng hàng rào M 200 đá 1 x 2	m ³	1,695	1,695
	Thép I 120	kg	6	6
	Đào đất C3	m ³	82,049	82,049
	Cát lót móng	m ³	8,205	8,205
	Xây móng đá hộc VXM M 50	m ³	53,95	53,95
	Trát áo tường , trụ cổng	m ²	510,75	510,75
	Bê tông M 150 đá 1 x 2	m ³	0,425	0,425
	Láng bậc thủy chí VXM M 75 #	m ²	9,720	9,720
	Sản xuất lắp dựng cổng chính + phụ	m ²	8,025	8,025
	Sơn thép 3 nước cổng chính cổng phụ	m ²	10,900	10,900
	Quét vôi 3 nước	m ²	172,6	172,6
	Quét vôi 1 trắng 2 màu	m ²	186,75	186,75

d. Chất lượng thi công công trình :

- Công trình đảm bảo chất lượng , kỹ, mĩ thuật theo yêu cầu thiết kế đã được phê duyệt .

- Các thiết bị lắp đặt trong công trình đảm bảo đúng chủng loại đạt tiêu chuẩn thiết kế -

e. Các biện pháp phòng chống cháy nổ , an toàn lao động khi thi công :

- Thực hiện đúng quy định hiện hành về phòng chống cháy nổ .

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ biện pháp an toàn lao động .
- Thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường

5. Những sửa đổi trong quá trình thi công và lắp đặt thiết bị so với thiết kế đã được phê duyệt : không

6. Kết luận : Hội đồng thống nhất nghiệm thu và bàn giao công trình cho Công ty quản lý đường sông Thanh Hoá đưa vào sử dụng . kể từ ngày tháng 12 năm 2004

Thời gian bảo hành : 12 tháng , kể từ ngày tháng 12 năm 2004

Thanh toán cho nhà thầu những khối lượng công việc hoàn thành ./.

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM NGỌC ĐÔI

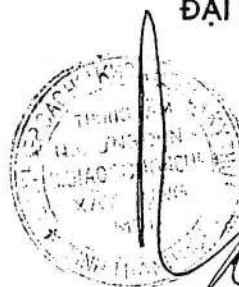
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN GIÁM SÁT

[Signature]
Lê Minh Hoà

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



PHÓ GIÁM ĐỐC
KS: *[Signature]*
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TV THIẾT KẾ



GIÁM ĐỐC
[Signature]
Trình Ngọc Bích

[Signature]
Trình Tuấn Anh

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ QUẢN LÝ SỬ DỤNG



KS: *[Signature]*
Trần Ngọc Nguyễn